

## DÒNG TIỀN CÓ SỰ PHÂN HÓA

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

|            |                                                                                                                                                                                    |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>MUA</b> | Nhà đầu tư có thể thực hiện các hoạt động mua trading khi thị trường xuất hiện rung lắc, điều chỉnh, vùng hỗ trợ gần 1.305-1.315 điểm.                                             |
| <b>BÁN</b> | Nhà đầu tư nên tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để thực hiện bán chốt lời từng phần các vị thế ngắn hạn, nhất là các nhóm cổ phiếu tăng mạnh như Vingroup, ngân hàng,... |

## ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

SSI

THEO DÕI

↑ 6,92%

VND27.800

## NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall giảm mạnh sau khi Tổng thống Donald Trump công bố kế hoạch áp thuế toàn diện.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index cho phản ứng quay đầu khi tiếp cận đường MA20 ngày. Về cơ bản, thị trường vẫn đang trong giai đoạn điều chỉnh tích lũy củng cố động lực trong xu hướng tăng trung hạn, với đặc trưng là dòng tiền có sự phân hóa và tìm kiếm cơ hội đầu tư riêng lẻ dù đà đi lên của chỉ số chung suy yếu. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư có thể tranh thủ giai đoạn điều chỉnh của thị trường chung để chọn lọc các cổ phiếu duy trì được vùng hỗ trợ và không chịu áp lực điều chỉnh mạnh so với chỉ số chung để giải ngân thăm dò cho mục tiêu đầu tư ngắn hạn.

## Thị trường thế giới

| Chỉ số             | Điểm số   | %Chg  | YTD   |
|--------------------|-----------|-------|-------|
| <b>Dow Jones</b>   | 42.225,32 | 0,56  | -0,75 |
| <b>S&amp;P 500</b> | 5.670,97  | 0,67  | -3,58 |
| <b>Nasdaq</b>      | 17.601,05 | 0,87  | -8,85 |
| <b>VIX</b>         | 21,51     | -1,19 | 23,98 |
| <b>DAX</b>         | 22.390,84 | -0,66 | 12,47 |
| <b>FTSE 100</b>    | 8.608,48  | -0,30 | 5,33  |
| <b>CAC40</b>       | 7.858,83  | -0,22 | 6,48  |
| <b>Hang Seng</b>   | 23.202,53 | -0,02 | 15,67 |

Nguồn: Bloomberg

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



## Chỉ báo kỹ thuật

|                   | Ngày    | Tuần | Tháng |
|-------------------|---------|------|-------|
| Xu hướng VN-Index | NEUTRAL | BUY  | BUY   |

| Chỉ báo kỹ thuật    | Giá trị  | Hành động |
|---------------------|----------|-----------|
| <b>RSI (14)</b>     | 52,20    | NEUTRAL   |
| <b>MACD (12,26)</b> | 4,99     | BUY       |
| <b>ADX (14)</b>     | 20,58    | NEUTRAL   |
| <b>SMA5</b>         | 1.321,50 | SELL      |
| <b>SMA20</b>        | 1.325,16 | SELL      |
| <b>SMA50</b>        | 1.296,31 | BUY       |
| <b>SMA100</b>       | 1.273,45 | BUY       |
| <b>SMA200</b>       | 1.268,84 | BUY       |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** đã rơi vào tình trạng hỗn loạn sau khi Tổng thống Donald Trump công bố kế hoạch áp thuế toàn diện. Các hợp đồng tương lai trên thị trường chứng khoán lao dốc không phanh khi nhà đầu tư đối mặt với mức thuế cao hơn nhiều so với dự báo. Chỉ số Dow Jones rút 1,143 điểm, tương đương 2.7%. Mức sụt giảm còn mạnh hơn đối với S&P 500 khi các hợp đồng tương lai mất 3.9%. Đặc biệt, hợp đồng tương lai Nasdaq-100 chịu tổn thất nặng nề nhất với mức giảm lên tới 4.7%.
- **Xuất khẩu thủy sản** Việt Nam trong quý I/2025 đạt kim ngạch đạt 2,45 tỷ USD, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2024. Riêng trong tháng 3, giá trị xuất khẩu đạt gần 889 triệu USD, tăng gần 20%, cho thấy xu hướng phục hồi tích cực dù tốc độ tăng trưởng có dấu hiệu chững lại so với hai tháng đầu năm, theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản (VASEP).
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HoSE)** vừa thông báo, theo kế hoạch triển khai đã được phê duyệt, hệ thống công nghệ thông tin (KRX) cho Thị trường chứng khoán Việt Nam dự kiến vận hành chính thức vào ngày 05/05/2025, trùng với ngày hiệu lực áp dụng của chỉ số kỳ tháng 4/2025.
- **VHC:** Theo tài liệu đại hội, năm 2025, Vĩnh Hoàn đặt mục tiêu doanh thu thuần hợp nhất đạt 13.800 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.500 tỷ đồng, tăng 10,3% về doanh thu và tăng hơn 22% về lợi nhuận so với thực hiện năm ngoái.
- **HCM:** Theo kế hoạch kinh doanh được công bố, HSC đặt mục tiêu tăng trưởng cho năm 2025 với tổng doanh thu dự kiến đạt 4.438 tỷ đồng, tăng 34% so với thực hiện của năm 2024. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 1.602 tỷ đồng, tăng 24% so với năm trước, trong khi lợi nhuận sau thuế ước tính đạt 1.282 tỷ đồng, tương đương mức tăng 23%.
- **HDG:** TCP Tập đoàn Hà Đô công bố Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 với doanh thu thay đổi không đáng kể nhưng lãi trước thuế giảm 307 tỷ đồng, tương đương giảm 35% so với báo cáo tự lập. Cụ thể, Hà Đô ghi nhận 572,8 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế trong năm 2024, thay vì 880 tỷ như báo cáo trước đó; lợi nhuận ròng đạt 348 tỷ đồng, thay vì 576 tỷ đồng như báo cáo tự lập.
- **PVD:** Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí mới công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Đại hội dự kiến tổ chức vào sáng ngày 24/4, theo hình thức trực tuyến. Kế hoạch tổng doanh thu là 7.200 tỷ đồng, giảm gần 25% so với kết quả năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế tương tự giảm 24% còn 530 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 3,151,43  | 0,55  | 20,08  |
| Dầu WTI   | 69,75     | -2,73 | -2,75  |
| Dầu Brent | 73,03     | -2,56 | -2,16  |
| Than      | 101,00    | -1,61 | -19,36 |
| Đồng      | 9.700,50  | 0,08  | 10,64  |
| Quặng sắt | 104,12    | -0,09 | -0,68  |
| Thép      | 465,50    | 0,98  | -2,16  |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá     | %Chg  | YTD   |
|---------|---------|-------|-------|
| DEX     | 103,251 | -0,54 | -4,83 |
| USD/JPY | 147,88  | 0,95  | 6,30  |
| USD/CNY | 7,2677  | 0,03  | 0,43  |
| EUR/USD | 1,0905  | 0,48  | 5,32  |
| GBP/USD | 1,3054  | 0,36  | 4,30  |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED  | 4,50%    | 07/05/2025         | 0,00              |
| ECB  | 2,65%    | 27/04/2025         | -0,25             |
| BOE  | 4,50%    | 08/05/2025         | 0,00              |
| BOJ  | 0,50%    | 01/05/2025         | 0,00              |
| SBV  | 6,50%    | -                  | -50bp             |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD   | Giá     | %Chg  |
|-------|--------|---------|-------|
| HPG   | 457,31 | 27.250  | 0,93  |
| FPT   | 477,09 | 122.000 | 1,24  |
| MWG   | 437,10 | 58.800  | 0,34  |
| TCB   | 186,55 | 27.900  | -0,18 |
| STB   | 322,30 | 39.250  | -1,13 |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa    | Giá     | %Chg  |
|-------|------------|---------|-------|
| VCB   | 541.447,75 | 64.800  | 0,47  |
| BID   | 271.726,71 | 38.700  | -0,77 |
| CTG   | 225.271,15 | 41.950  | 0,24  |
| FPT   | 179.470,44 | 122.000 | 1,24  |
| TCB   | 197.109,36 | 27.900  | -0,18 |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

SSI

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

26.450

27.800

6,92%

24.000-24.500

<24.700

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Về kế hoạch kinh doanh năm 2025, SSI đặt mục tiêu doanh thu đạt 9.695 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 4.252 tỷ đồng, tăng lần lượt 11% và 20% so với kết quả thực hiện năm 2024. Nếu hoàn thành, đây sẽ là mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của doanh nghiệp.
- SSI dự kiến trình phương án chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương đương tổng số tiền thanh toán 1.974 tỷ đồng. Chính sách này đã được SSI duy trì liên tục từ năm 2015 đến nay, thể hiện cam kết ổn định với cổ đông.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Nhóm cổ phiếu chứng khoán nói chung và SSI nói riêng đang chịu áp lực điều chỉnh sau nhịp tăng mạnh trước đó. Cổ phiếu SSI đang kiểm nghiệm lại vùng hỗ trợ gần 25.800-26.000 đồng. Nhà đầu tư quan sát diễn biến cổ phiếu trong 1-2 phiên nữa để có hành động phù hợp, vùng giải ngân dự kiến 25.500-26.000 đồng.

Thông tin tài chính

|             | FY2023   | FY2024   | Q42024  |
|-------------|----------|----------|---------|
| DTT (tỷ đ)  | 7.158    | 8.529    | 2.221   |
| LNTT (tỷ đ) | 2.849    | 3.544    | 555     |
| LNST (tỷ đ) | 2.294    | 2.845    | 438     |
| Nợ/VCSH (%) | 186      | 170      | 170     |
| ROE (%)     | 9,41     | 11,39    | 11,39   |
| ROA (%)     | 3,51     | 3,97     | 3,97    |
| EPS (VNĐ)   | 1.145,70 | 1.494,51 | 1504,82 |
| P/E (lần)   | 23,04    | 17,43    | 17,58   |
| P/B (lần)   | 2,13     | 1,92     | 1,95    |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

|                  | Ngày    | Tuần      | Tháng |
|------------------|---------|-----------|-------|
| Xu hướng         | NEUTRAL | NEUTRAL   | SELL  |
| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |       |
| RSI (14)         | 52,28   | NEUTRAL   |       |
| MACD (12,26)     | 0,09    | BUY       |       |
| ADX (14)         | 25,48   | SELL      |       |
| SMA5             | 26.480  | SELL      |       |
| SMA20            | 26.650  | SELL      |       |
| SMA50            | 25.800  | BUY       |       |
| SMA100           | 25.540  | BUY       |       |
| SMA200           | 25.940  | BUY       |       |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                             | Mã cổ phiếu | Vị thế  | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán | Giá bán | +/-    |
|---------------------------------|-------------|---------|-----------|------------|---------|--------------|------------|----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi               |             |         |           |            |         |              |            |          |         |        |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua |             |         |           |            |         |              |            |          |         |        |
| 1                               | BID         | Nắm giữ | 38,6-39,3 | 6/2/2025   | 39,6    | 45           | 37,3       |          |         | -2,27% |
| 2                               | KBC         | Nắm giữ | 28,5-29,5 | 18/2/2025  | 29,2    | 33           | 27,6       |          |         | 1,03%  |
| 3                               | VPB         | Nắm giữ | 18,7-19   | 21/02/2025 | 19      | 21,2         | 18         |          |         | 0,79%  |
| 4                               | TCB         | Nắm giữ | 26,6-27,3 | 20/3/2025  | 27,3    | 29,5         | 25,6       |          |         | 2,20%  |
| 5                               | HCM         | Nắm giữ | 30,3-31,3 | 28/3/2025  | 30,5    | 34,5         | 29,7       |          |         | 0,98%  |

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế      | Vùng mua   | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | MWG         | Chốt lời    | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 54,8         | 37,8       | 31/7/2023  | 54      | 32,35% |
| 2   | NLG         | Chốt lời    | 31,3-32,45 | 9/6/2023   | 32      | 38,3         | 30,2       | 18/7/2023  | 38,3    | 19,69% |
| 3   | MWG         | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 47,8         | 37,8       | 11/7/2023  | 48,8    | 19,61% |
| 4   | DGW         | Chốt lời    | 54,5-56    | 16/2/2024  | 56      | 63,2         | 53,9       | 13/3/2024  | 64,3    | 16,07% |
| 5   | HCM         | Chốt lời    | 21,1-22    | 20/12/2023 | 21,9    | 24,3         | 20,4       | 2/1/2024   | 25,4    | 15,98% |
| 6   | SSI         | Chốt lời    | 27,8-28,8  | 26/10/2023 | 27,2    | 32,8         | 26,9       | 10/11/2023 | 31,5    | 15,81% |
| 7   | DBC         | Chốt lời    | 20,3-20,6  | 20/6/2023  | 20,6    | 23,6         | 19,2       | 6/7/2023   | 23,85   | 15,78% |
| 8   | DGW         | Chốt lời    | 32,4-33    | 16/5/2023  | 33      | 37,2         | 30,7       | 6/6/2023   | 37,8    | 14,55% |
| 9   | VPB         | Chốt lời    | 18,6-19,2  | 26/4/2023  | 19,2    | 22,6         | 17,9       | 1/8/2023   | 21,95   | 14,32% |
| 10  | ANV         | Chốt lời    | 34,8-36,3  | 11/9/2023  | 36,3    | 41,2         | 33,8       | 22/9/2023  | 41,2    | 13,50% |
| 11  | DGW         | Chốt lời    | 49-51,5    | 21/11/2023 | 50      | 57,8         | 48         | 8/1/2023   | 56,7    | 13,40% |
| 12  | HCM         | Chốt lời    | 25,9-26,3  | 12/6/2023  | 26,3    | 29,5         | 24,5       | 5/7/2023   | 29,8    | 13,31% |
| 13  | SSI         | Chốt lời    | 28,0-28,6  | 1/8/2023   | 28,6    | 33,5         | 27,4       | 25/8/2023  | 32,3    | 12,94% |
| 14  | PVS         | Chốt lời    | 30,4-31,2  | 22/8/2023  | 31,2    | 35,2         | 29,3       | 30/8/2023  | 35,2    | 12,82% |
| 15  | HPG         | Chốt lời    | 24,8-25,8  | 22/8/2023  | 25,8    | 29,1         | 24         | 7/9/2023   | 29,1    | 12,79% |
| 16  | NKG         | Chốt lời    | 17,3-17,7  | 5/7/2023   | 17,5    | 20,4         | 16,3       | 21/7/2023  | 19,7    | 12,57% |
| 17  | KSB         | Chốt lời    | 26,6-27,1  | 8/6/2023   | 27,1    | 30,5         | 25,2       | 27/6/2023  | 30,5    | 12,55% |
| 18  | NKG         | Chốt lời    | 20,3-20,8  | 24/11/2023 | 20,8    | 23,9         | 19,6       | 30/11/2023 | 23,35   | 12,26% |
| 19  | HAH         | Chốt lời    | 34-35,5    | 23/11/2023 | 35      | 40,7         | 32,9       | 26/12/2023 | 39,2    | 12,00% |
| 20  | GVR         | Chốt lời    | 18,9-19,3  | 28/6/2023  | 19,3    | 22,3         | 18         | 11/7/2023  | 21,6    | 11,92% |
| 21  | VCG         | Chốt lời    | 25,5-26,2  | 18/8/2023  | 26,2    | 29,3         | 24,5       | 5/9/2023   | 29,3    | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | HCM         | Chốt lời | 26-27     | 19/11/2024 | 27      | 29,8         | 25,7       | 6/12/2024  | 29,8    | 10,37% |
| 2   | ANV         | Chốt lời | 17,8-18,1 | 27/11/2024 | 18      | 19,5         | 17,3       | 6/12/2024  | 20,5    | 13,89% |
| 3   | STB         | Chốt lời | 30,5-31,5 | 20/11/2024 | 31,5    | 34,5         | 30         | 18/12/2024 | 34,2    | 9,52%  |
| 4   | TCB         | Cắt lỗ   | 23,5-23,9 | 19/12/2024 | 23,8    | 26,3         | 22,7       | 10/1/2025  | 23,4    | -1,68% |
| 5   | SZC         | Cắt lỗ   | 41-42     | 19/12/2024 | 42      | 45,8         | 40         | 10/1/2025  | 41      | -2,38% |
| 6   | HHV         | Chốt lời | 10,8-11,4 | 10/1/2024  | 11,4    | 12,8         | 10,5       | 17/1/2025  | 12,8    | 12,28% |
| 7   | VCG         | Chốt lời | 17,7-18,1 | 14/01/2025 | 18,1    | 19,8         | 17,2       | 3/2/2025   | 20      | 10,50% |
| 8   | HPG         | Cắt lỗ   | 26-26,8   | 5/2/2025   | 26,8    | 28,9         | 25,5       | 10/2/2025  | 25,50   | -4,8%  |
| 9   | VCI         | Chốt lời | 33,6-34,6 | 4/2/2025   | 34,35   | 37,45        | 32         | 3/3/2025   | 37,45   | 9,02%  |
| 10  | SSI         | Chốt lời | 24,5-25   | 24/2/2025  | 25,3    | 27,4         | 23,8       | 13/3/2025  | 27,4    | 8,30%  |
| 11  | POW         | Cơ cấu   | 11,4-11,8 | 12/2/2025  | 11,8    | 13,2         | 11,2       | 14/3/2025  | 12      | 1,69%  |
| 12  | VHC         | Cơ cấu   | 67,5-69,5 | 18/2/2025  | 69,5    | 76           | 65,6       | 14/3/2025  | 67,9    | -2,3%  |
| 13  | PC1         | Cơ cấu   | 23,5-23,9 | 26/2/2025  | 23,9    | 26,3         | 22,7       | 14/3/2025  | 23,1    | -3,35% |
| 14  | KSB         | Cơ cấu   | 19,6-20   | 6/3/2025   | 19,9    | 22,1         | 19         | 14/3/2025  | 19,85   | -0,21% |
| 15  | DXG         | Cơ cấu   | 15,7-16,2 | 11/3/2025  | 16,2    | 17,8         | 15,2       | 14/3/2025  | 16,1    | -0,61% |

Email: [Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VN-Index: 1150-1165.

Khuyến nghị: 30/10/2024

| MICP             | NVL                   | Tỷ lệ    |
|------------------|-----------------------|----------|
| Mua              | 16-16.5               |          |
| Cắt lỗ           | Điểm 14               | -(-12%)  |
| Chốt lời 1:(50%) | 18-19                 | -12%-18% |
| Chốt lời 2:(50%) | 21-22                 | -18-37%  |
| MICP             | MSN                   | Tỷ lệ    |
| Mua              | 65-66                 |          |
|                  | (Có thể DCA về 61-62) |          |
| Cắt lỗ           | Điểm 59               | -(-5%)   |
| Chốt lời 1:(50%) | 72-75                 | -12%-14% |
| Chốt lời 2:(50%) | Nằm giữ               |          |
| MICP             | GEX                   | Tỷ lệ    |
| Mua              | 21-21.5               |          |
| Cắt lỗ           | 19.8                  | -(-4%)   |
| Chốt lời 1:(50%) | 23-24                 | -7%-12%  |
| Chốt lời 2:(50%) | 25.5-26               | -12%-24% |

by Thanh Danh @ginlabs.vn

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

| Mã chứng khoán     | MWG                    |
|--------------------|------------------------|
| Tổng khối lượng CK | 190,000                |
| Giá vốn trung bình | 43.34                  |
| Gốc đầu tư         | 99,800 đ               |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ        |
| Lãi/lỗ (dự kiến)   | +679,500,200 đ (6.15%) |

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 267 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập

[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)